| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 108/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 13-9-2023
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Thao

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Hoàng Văn Yên

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Tầm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 08-8-2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-8-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Mai S, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Hà Trung Q, sinh năm 1989

Nơi ĐKTT: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Mai S trình bày:*

Chị và anh Hà Trung Q ký kết hôn ngày 01-3-2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q nghiện chất ma túy, không chăm lo cho gia đình. Hiện anh Q đang cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy

tỉnh Yên Bái. Chị S xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Hà Đình T, sinh ngày 15-12-2010 và Hà Thảo M, sinh ngày 22-4-2019 hiện đang được chị nuôi dưỡng. Ly hôn Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Trung Q trình bày:*

Anh và chị Phùng Thị Mai S kết hôn với nhau ngày 01-3-2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5-2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời nên dẫn đến nghiện ma túy. Anh đã tự cai nghiện nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện anh đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đồng ý ly hôn với Chị S.

Về con chung: Anh và Chị S có hai con chung là Hà Đình T, sinh ngày 15-12-2010 và Hà Thảo M, sinh ngày 22-4-2019. Anh đề nghị để Chị S trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con do anh hiện đang cai nghiện ma túy nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Mai S được ly hôn anh Hà Trung Q.

+ Về con chung: Giao hai con chung là Hà Đình T, sinh ngày 15-12-2010 và Hà Thảo M, sinh ngày 22-4-2019 cho chị Phùng Thị Mai S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Hà Trung Q có nơi cư trú tại xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị S và anh Q vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Mai S và anh Hà Trung Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 01-3-2010 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự có trong hồ sơ cho thấy, sau khi kết hôn Chị S và anh Q chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2021 thì phát sinh mâu mẫu, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q nghiện chất ma túy, không chăm lo cho gia đình, anh Q đã tự cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng không được. Hiện anh Q đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị S và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị S, cho Chị S được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung: Chị S và anh Q có hai chung là Hà Đình T, sinh ngày 15-12-2010 và Hà Thảo M, sinh ngày 22-4-2019 hiện đang được Chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện anh Q đang phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc nên không có điều kiện để nuôi dưỡng các con. Hai con đang được Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Hà Đình T có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích, nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con nên giao hai con cho Chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân:** Chị Phùng Thị Mai S được ly hôn anh Hà Trung Q.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung là Hà Đình T, sinh ngày 15-12-2010 và Hà Thảo M, sinh ngày 22-4-2019 cho chị Phùng Thị Mai S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Hà Trung Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Phùng Thị Mai S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001053 ngày 08-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thao**